

Số: **01/2022/QĐST-HNGĐ**

Lục Ngạn, ngày 21 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v hủy kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên họp: Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-VDS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc “Hủy kết hôn trái pháp luật”.

Theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐST-VDS ngày 07 tháng 02 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Trần Văn N**, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn M, xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị **Đỗ Thị N**, sinh năm 1990. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Đỗ Thị B**, sinh năm 1989. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn M, xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh **Cam Văn T**, sinh năm 1983. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn G, xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

3. Ủy ban nhân dân xã **Giáp Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang** – Do ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch UBND xã Giáp Sơn đại diện. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Trần Văn Năm và chị Đỗ Thị N trình bày:

- Anh Trần Văn Năm trình bày: Anh và chị Đỗ Thị B quen biết nhau và đi đến kết hôn vào năm 2008. Khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn thì mới phát hiện sự việc là vào năm 2006, chị Đỗ Thị N, sinh năm 1990 là em gái ruột chị Đỗ Thị B đã lấy tên và chứng minh thư của chị B để đi đăng ký kết hôn với anh Cam Văn T, sinh năm 1983, trú tại thôn G, xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Lý do chị N sử dụng tên và chứng minh thư của chị B là do lúc đó chị N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do vậy, chị N đã sử dụng tên và chứng minh thư của chị B để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Cam Văn T. Do vậy đến nay chị B đăng ký kết hôn với anh lại phải lấy tên và chứng minh thư của chị N để đăng ký kết hôn với anh.

Do đó để tổ chức lễ cưới anh đã cầm chứng minh thư của chị N lên UBND xã G đi đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2008, Ủy ban nhân dân xã G lúc đó cán bộ Tư pháp xã G bảo anh cầm giấy đăng ký về cho chị N ký nhưng thực tế anh có cầm về và anh tự ký tên N vào giấy đăng ký và mang lại UBND xã G cho cán bộ tư pháp xã. Ngày 24/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang anh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2008 giữa anh và tên chị Đỗ Thị N. Sau khi được cấp giấy đăng ký kết hôn anh và chị B làm tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau từ đó đến nay. Anh xác nhận giữa anh và chị Đỗ Thị N không hề chung sống với nhau, không có con chung mà thực tế chị N chung sống với anh Cam Văn T từ năm 2006. Từ năm 2008 thực tế từ ngày đăng ký kết hôn đến nay anh và chị Đỗ Thị B chung sống với nhau.

Anh xác định việc đăng ký kết hôn giữa anh và mang tên chị B là để tổ chức cưới hỏi với chị B. Nay anh đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Đỗ Thị N.

- Chị Đỗ Thị N trình bày: Năm 2006, chị và anh Cam Văn T quen biết nhau và đi đến kết hôn. Tuy nhiên lúc này chị chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó chị và anh T thống nhất chị đã sử dụng tên và chứng minh thư của chị gái ruột chị là Đỗ Thị B (Lúc này chị B chưa lấy chồng) để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Cam Văn T. Ngày 19/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang chị B và anh Cam Văn T đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 giữa anh T và chị Đỗ Thị B. Đến năm 2008 khi anh N và chị B kết hôn thì anh Năm chị B đã lấy tên và chứng minh thư của chị để đăng ký kết hôn với anh N, Tuy nhiên chị xác định chị không hề đi đăng ký kết hôn với anh N mà anh N tự đi làm thủ tục sự việc mãi sau này chị mới được biết nhưng chị không có ý kiến gì. Chị xác nhận giữa anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị B không hề chung sống với nhau, không có con chung. Chị chung sống với anh Cam Văn T từ năm 2006, chị không chung sống với anh Trần Văn N và không có con chung nào. Chị xác định chị không hề đi đăng ký kết hôn với anh Trần Văn N, không hề chung sống với anh N, việc đăng ký kết hôn với anh N và lấy tên chị là

giả tạo. Nay chị đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chị Đỗ Thị B trình bày: Chị và anh Trần Văn N quen biết nhau và đi đến kết hôn vào năm 2008. Khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn do vào năm 2006, chị Đỗ Thị N là em gái ruột chị đã nhờ lấy tên và chứng minh thư của chị để đi đăng ký kết hôn với anh Cam Văn T do lúc đó chị N chưa đủ tuổi để đăng ký. Ngày 24/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang chị và anh Trần Văn N đăng ký kết hôn. Chị phải lấy tên tuổi chị Đỗ Thị N để đăng ký kết hôn với anh N, anh N là người đi làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2008 giữa anh và chị Đỗ Thị N.

Chị xác nhận giữa chị và anh Cam Văn T không hề chung sống với nhau, không có con chung mà từ năm 2006 anh T chung sống với chị N. Từ năm 2008 đến nay chị và anh N chung sống với nhau. Việc chị đăng ký kết hôn với anh T là để anh T chung sống với chị N. Việc đăng ký kết hôn giữa anh Trần Văn N lấy tên chị Đỗ Thị N là giả tạo. Nay anh Trần Văn N, chị Đỗ Thị N đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị N chị nhất trí.

- Anh Cam Văn T trình bày: Vào năm 2006 anh và chị Đỗ Thị N kết hôn, do chị N chưa đủ tuổi nên đã lấy tên tuổi của chị gái chị N là chị Đỗ Thị B để đăng ký kết hôn với anh. Ngày 19/9/2006 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang chị B và anh đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 giữa anh và chị Đỗ Thị B. Đến năm 2008 khi anh N và chị B đi đăng ký kết hôn thì chị B đã dùng tên chị N để đăng ký kết hôn anh N sự việc này anh và chị N có biết nhưng anh không có ý kiến gì. Anh xác nhận giữa chị N và anh Trần Văn N không hề chung sống với nhau, không có con chung mà chị N chung sống với anh từ năm 2006. Chị N không hề đi đăng ký kết hôn với anh Trần Văn N, việc đăng ký kết hôn giữa anh N và lấy tên chị N là giả tạo. Nay anh Trần Văn N, chị Trần Thị N đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị N, anh nhất trí.

- Ủy ban nhân dân xã Giáp Sơn do ông Nguyễn Đức T - Chủ tịch UBND xã đại diện trình bày: Năm 2008 Ủy ban nhân dân xã G có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N. Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra chị N chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn với ai nên đủ điều kiện đăng ký kết hôn và tiến hành đăng ký cho anh N và chị N theo quy định. Do lâu ngày nên Ủy ban nhân dân xã cũng không rõ là anh N có đi cùng ai đi đăng ký hay không. Sau khi nhận được thông báo việc dân sự của Tòa án Ủy ban nhân dân xã đã kiểm tra xác minh thì được biết sau khi đăng ký kết hôn anh N và chị N không chung sống với nhau mà anh N lại chung sống cùng chị Đỗ Thị B là chị gái chị N. Do vậy, Ủy ban nhân dân xã xác định việc anh Trần Văn N đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị N là không đúng thực tế. Nay anh N và chị N đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh N và chị N thì Ủy ban nhân dân xã xác nhận mặc dù hai bên có đăng ký kết hôn nhưng mục đích không phải là về chung sống cùng nhau, có sự giả tạo trong việc

đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân xã cũng đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn giữa anh Năm và chị N.

Tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự anh Trần Văn N, chị Đỗ Thị N giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án tuyên bố hủy kết hôn giữa anh và chị Đỗ Thị N là trái pháp luật (Do giả tạo). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị B và anh Cam Văn T giữ nguyên quan điểm, ý kiến đã trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện UBND xã G vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt, Tòa án đã công bố lời khai của người đại diện UBND xã G có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang phát biểu: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Anh Trần Văn N, chị Đỗ Thị N đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Năm chị N.

Về con chung, tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn N, chị Đỗ Thị N phải chịu lệ phí Tòa án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N được Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn vào ngày 24/03/2008. Anh Trần Văn N, chị Đỗ Thị N yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật do giả tạo. Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn thụ lý giải quyết yêu cầu của anh Trần Văn N, chị Đỗ Thị N là phù hợp với Điều 29, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về xem xét, giải quyết yêu cầu liên quan đến việc hủy kết hôn trái pháp luật thì Tòa án phải căn cứ vào quy định của Pháp luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực tại thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân để xác định việc kết hôn có trái pháp luật hay không. Anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N chỉ kết hôn ngày 24/03/2008, được áp dụng Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để xem xét giải quyết.

Tại phiên họp vắng mặt Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN nhưng đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 367 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của anh Trần Văn N, chị Đỗ Thị N về việc hủy kết hôn trái pháp luật thì thấy.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2008, ngày 24/03/2008 do đương sự cung cấp, tài liệu còn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã G và lời khai của các đương sự đều xác nhận:

Anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N chưa hề cùng nhau đến Ủy ban nhân dân xã G đăng ký kết hôn. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trong tờ khai đăng ký kết hôn và trong sổ đăng ký kết hôn không phải là chữ ký chữ viết của chị N. Mà phần chữ ký chữ viết mang tên Đỗ Thị N là do anh Trần Văn N tự ký. Nguyên nhân là do trước đó khi anh Cam Văn T và chị Đỗ Thị N kết hôn vào năm 2006 do chị N chưa đủ tuổi nên đã lấy tên và tuổi chị B là chị gái chị N để làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh T. Thực tế sau khi đăng ký kết hôn thì anh N không hề chung sống cùng chị N mà chung sống cùng chị Đỗ Thị B là chị gái ruột chị N. Chị N chung sống cùng anh Cam Văn T từ năm 2006 đến nay. Mẹ đẻ của chị B và chị N cũng xác nhận có việc chị B và anh T đi đăng ký kết hôn với nhau nhưng khi tổ chức cưới hỏi lại là cưới với chị N và anh T chung sống với chị N đến nay. Anh N cưới hỏi với chị B và chung sống với chị B từ năm 2008 đến nay. Trưởng thôn nơi chị B anh N sinh sống cũng xác định từ năm 2008 đến nay chị B anh N vẫn chung sống cùng nhau.

Từ phân tích nêu trên thì anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N không hề chung sống cùng nhau, việc anh N và chị N đăng ký kết hôn với nhau nhưng mục đích của việc đăng ký kết hôn lại nhằm mục đích khác không nhằm mục đích xây dựng gia đình, mục đích khác là mục đích là để anh N xây dựng gia đình với chị Đỗ Thị B (là chị gái ruột của chị Đỗ Thị N) và chung sống cùng chị B, do đó mục đích của việc đăng ký kết hôn là giả tạo không nhằm mục đích thể hiện trong giấy đăng ký kết hôn. Việc đăng ký kết hôn giữa anh N chị N là giả tạo và vi phạm quy định tại Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy yêu cầu của anh Trần Văn N chị Đỗ Thị N có căn cứ để chấp nhận và cần hủy việc kết giữa anh N và chị N theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2008, quyển số 01 ngày 24/03/2008 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N không có con chung. Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Anh Trần Văn N, chị Đỗ Thị N phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn N chị Đỗ Thị N. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N.

Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 21/2008, quyền số 01 ngày 24/03/2008 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Trần Văn N chị Đỗ Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh N, chị N mỗi người đã nộp 300.000 đồng tại biên lai tạm ứng lệ phí thu số: 0010497 và số: 0010498 cùng ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Hoàn trả lại anh Trần Văn N và chị Đỗ Thị N mỗi người số tiền 150.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã G, LN, tỉnh Bắc Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường